

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/HS-ST
Ngày 04-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiều Phương;

Bà Nông Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/02/1991 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ *, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà La Thị T; vợ: Hoàng Thị N (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 21/7/2024 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Thị Thanh T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/01/1987 tại huyện T, tỉnh Hà Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ *, Khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Dương Q và bà Hứa Thị H (đã chết); chồng, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa

bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 21/7/2024 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Triệu Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu *, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người làm chứng: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1993, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 21/7/2024, tổ Công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, ma túy Công an huyện T phối hợp với Đội An ninh Công an huyện T làm nhiệm vụ tại khu vực thôn B, xã H, huyện T phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Accent màu trắng biển kiểm soát 12A-148.15 đang dừng đỗ có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác tiến hành kiểm tra xác định được lái xe là Hoàng Trọng N, trú tại: Khu *, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, ngồi ghế sau là Nguyễn Văn B, trú tại thôn T, xã E, K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình kiểm tra tại túi quần bên trái của B đang mặc có 01 túi nilon trong suốt bên trong có 03 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, 01 điện thoại di động nằm hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu xanh, gắn 02 sim số thuê bao 0962.884322 và 0962.344185; 02 ống hút bằng nhựa chiều dài 5cm; 01 căn cước công dân số 066091013182 mang tên Nguyễn Văn B; 02 thẻ ngân hàng MB mang tên NGUYEN ANH D; 01 thẻ ngân hàng TP Bank mang tên NGUYEN THỊ B; số tiền 26.150.000 đồng. B khai nhận 03 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng bị thu giữ là ma túy tổng hợp đã nhờ Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm 1987, trú tại: Tổ *, Khối *, phường V, thành phố L, chỗ ở: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) mua hộ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa đối tượng cùng toàn bộ tang vật về trụ sở để điều tra làm rõ.

Xét thấy có dấu hiệu tội phạm, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Thanh T thu giữ: 01 gói ni lon trong suốt bên trong chứa tinh thể màu hồng trên tay T đang cầm; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đen số IMEI 354035903995643/01 lắp sim số thuê bao 0988.404117. T khai nhận chất tinh thể màu trắng là ma túy mua về để sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ được: 01 chai nhựa màu trắng trong suốt; 01 nắp nhựa màu đỏ được đục 02 lỗ cắm (01 lỗ cắm ống nhựa màu xanh, 01 lỗ cắm ống nhựa màu vàng).

Tại kết luận giám định số 818/KL-KTHS ngày 24/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận:

+ Chất tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn B gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,816 gam (đã trừ bì).

+ Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,380 gam (đã trừ bì).

Tại kết luận giám định số 884/KL-KTHS ngày 31/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Toàn B số tiền 26.150.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn B gửi giám định là tiền thật.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 12 giờ ngày 21/7/2024, Nguyễn Văn B gọi điện cho Nguyễn Thị Thanh T qua ứng dụng Zalo hỏi mua hộ 2.000.000 đồng ma túy tổng hợp, sau đó B chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 00003800671 ngân hàng TP Bank của B đến số tài khoản 36686861986 ngân hàng MB Bank của T. Sau khi nhận được tiền, T đi bộ đến khu tái định cư thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mua 01 (một) gói ma túy tổng hợp (gồm 03 viên nén màu hồng và tinh thể màu trắng trộn lẫn với nhau) với người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ giá 700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T và B thỏa thuận giao ma túy khu vực ngõ gần ngã ba D, Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau đó Nguyễn Văn B thuê xe taxi biển kiểm soát 12A-148.15 của Hoàng Trọng N đi từ thị trấn T đến địa điểm đã hẹn rồi đi vào trong ngõ khoảng 50m gặp T, tại đây T đưa cho B 01 (một) gói ma túy tổng hợp vừa mua và trả lại 1.300.000 đồng, đồng thời B đưa cho T 150.000 đồng tiền công mua hộ. Sau đó B lên xe quay về thị trấn T, khi đi đến khu vực thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Công an huyện T kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Sau khi mua hộ ma túy cho B, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 21/7/2024 do có nhu cầu sử dụng ma túy, T tiếp tục đi B đến khu tái định cư thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn gặp và mua với người đàn ông lạ mặt lúc trước 01 gói ma túy đá loại tinh thể màu trắng, hồng với giá 500.000 đồng mục đích đem về sử dụng cho bản thân. Khi đang trên đường về chỗ ở thì lực lượng Công an huyện T bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ tang vật có liên quan.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSTĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 B luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn B trình bày đối với số tiền 26.150.000 đồng bị thu giữ trong đó có 20.000.000 đồng, bị cáo vay của chị Triệu Thị N để đi lấy hàng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả cho chị N, còn 6.150.000 đồng là tiền của bị cáo.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị N trình bày: Trước đó chị N đưa cho bị cáo Nguyễn Văn B vay 20.000.000 đồng, khi bị cáo bị bắt đã bị thu giữ số tiền trên. Tại phiên tòa chị Triệu Thị N đề nghị Hội đồng xét xử trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng, ngoài ra chị N không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội

danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 gói giấy đựng 0,634 gam chất ma túy Methamphetamine và 02 ống nhựa, 01 cuộn giấy bạc, 01 ống kim loại thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 gói giấy đựng 0,316 gam chất ma túy Methamphetamine và 01 chai nhựa màu trắng trong suốt, 01 nắp nhựa, 02 ống hút thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung bên trong lắp 02 của bị cáo Nguyễn Văn B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung bên trong lắp 01 sim số của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

- Truy thu 150.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo T do phạm tội mà có.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn B những tài sản không sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- + 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme;

- + 01 căn cước công dân;

- + 01 thẻ ngân hàng TP Bank mang tên NGUYEN VAN B;

- + 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên NGUYEN THI B;

- + 02 thẻ ngân hàng MB Bank mang tên NGUYEN ANH D;

- + 01 thẻ ngân hàng MB Bank;

- + Số tiền 6.150.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng thu giữ của bị cáo) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho chị Triệu Thị N số tiền 20.000.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng thu giữ của bị cáo).

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng anh Hoàng Trọng N, Hội đồng xét xử nhận thấy người làm chứng trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra và được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt anh Nghĩa không ảnh hưởng đến phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định: Hồi 15 giờ 00 phút ngày 21/7/2024, tổ Công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, ma túy Công an huyện T phối hợp với Đội An ninh Công an huyện T làm nhiệm vụ tại khu vực thôn B, xã H, huyện T phát hiện bắt quả tang bị cáo Nguyễn Văn B có hành vi tàng trữ tổng khối lượng 0,816 gam chất ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân, qua điều tra đã làm rõ bị cáo Nguyễn Thị Thanh T giúp sức mua hộ và trả tiền công. Tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo T thu giữ thêm tổng khối lượng 0,380 gam chất ma túy Methamphetamine, với mục đích bị cáo T mua về cho bản thân sử dụng. Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh T là đồng phạm trong vụ án về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 0,816 gam Methamphetamine, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T là người giúp sức mua ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn B và được bị cáo Nguyễn Văn B trả tiền công 150.000 đồng. Vì vậy cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau. Bị cáo Nguyễn Văn B nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mua ma túy giúp và trả tiền công cho bị cáo T, bị cáo B mua ma túy về với mục đích là sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Thanh T một mình thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 0,380 gam Methamphetamine.

[5] Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu đời của dân tộc, là nguy cơ tiềm ẩn phát sinh các loại tội phạm khác, làm giảm ngân sách nhà nước do phải giải quyết các hậu quả do ma túy mang lại. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có bố đẻ là ông Nguyễn Dương Q được Chủ tịch nước thưởng Huân chương chiến công hạng Nhì và thưởng có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam hạng Nhất, Nhì, Ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó bị cáo Nguyễn Thị Thanh T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, cho các bị cáo đi cải tạo tập trung để các bị cáo nhận thức được hành vi của mình, đồng thời giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T do bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng.

[11] Đối với người đàn ông lạ mặt đã bán ma túy Methamphetamine cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T tại khu tái định cư thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy đây là lời khai một phía của bị cáo T, mặt khác không xác định được tên, tuổi địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra, xác minh. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án. Đối với Hoàng Trọng N là lái xe taxi biển kiểm soát 12A-148.15 không biết bị cáo Nguyễn Văn B thuê để đi mua ma túy nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 B luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[12.1] Tịch thu tiêu hủy ma túy và các vận dụng dùng phục vụ việc sử dụng chất ma túy, ma túy gồm: 0,634 gam chất ma túy Methamphetamine thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B và 0,316 gam chất ma túy Methamphetamine thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, đựng trong 02 phong bì niêm phong và 02 ống nhựa, 01 cuộn giấy bạc, 01 ống kim loại, 01 chai nhựa, 01 nắp nhựa, 02 ống hút.

[12.2] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung bên trong lắp 02 của bị cáo Nguyễn Văn B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung bên trong lắp 01 sim số của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Truy thu số tiền 150.000 đồng của bị cáo T do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

[12.3] Trả cho bị cáo Nguyễn Văn B những tài sản không dùng vào việc phạm tội gồm: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme; 01 căn cước công dân; 01 thẻ ngân hàng TP Bank mang tên NGUYEN VAN B; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên NGUYEN THI B; 02 thẻ ngân hàng MB Bank mang tên NGUYEN ANH D; 01 thẻ ngân hàng MB Bank và số tiền 6.150.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng bị cáo bị thu giữ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12.4] Trả cho chị Triệu Thị N số tiền 20.000.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng bị cáo bị thu giữ) do số tiền này là của chị N cho bị cáo B vay, không liên quan đến hành vi của bị cáo B trong vụ án.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết toàn B nội dung vụ án do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 B luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 B luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T;

Căn cứ điểm c khoản 1, 5 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 332; khoản 1 Điều 333; Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Văn B;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

4. Về vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng chất ma túy hoàn lại sau giám định, bên trong có 01 (một) gói ni lon đựng 0,634 gam chất ma túy Methamphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và 02 ống hút nhựa, 01 cuộn giấy bạc, 01 ống kim, mặt trước ghi “Tang vật nghi ma túy thu giữ quả tang của Nguyễn Văn B ngày 21/7/2024”, có chữ ký cùng tên của giám định viên, Hoàng Mạnh H, Hoàng Đình C và 02 (hai) hình dấu của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng, mặt sau được niêm phong bởi chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong, gồm: Vương Văn T, Nguyễn Văn B, Hoàng Trọng N, Nông Đức T và Nguyễn văn L và 05 (năm) dấu tròn đỏ của Công an thị trấn T, huyện T, Lạng Sơn; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng chất ma túy hoàn lại sau giám định, bên trong có 01 (một) gói ni lon đựng 0,316 gam chất ma túy Methamphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và 01 chai nhựa màu trắng trong suốt, 01 nắp nhựa màu đỏ, 02 ống hút nhựa màu xanh và vàng, mặt trước ghi “Tang vật nghi ma túy thu giữ quả tang của Nguyễn Thị Thanh T ngày 21/7/2024”, có chữ ký cùng tên của giám định viên, Hoàng Mạnh H, Hoàng Đình C và 02 (hai) hình dấu của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng, mặt sau được niêm phong

bởi chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong, gồm: Nguyễn Thị Thanh T, Nông Minh T, Phí Văn L, Nguyễn Đức L, Trần Xuân T và 05 (năm) dấu tròn đỏ của Công an thị trấn Đ, huyện C, Lạng Sơn;

4.2. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung, màu xanh, số IMEI: 352884790443577/01 bên trong lắp 02 sim số 0962.884.322 và 0962.344.185 máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung, màu xanh đen, số IMEI: 354035903995643/01 bên trong lắp 01 sim thuê bao số 0988.404117 máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

4.3. Truy thu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T nộp ngân sách Nhà nước.

4.4. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn B những tài sản không dùng vào việc phạm tội gồm: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme, màu đen, số I EI: 864121071939579/39, không lắp sim máy cũ đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 0660091013182; 01 thẻ ngân hàng TP Bank mang tên NGUYEN VAN B; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên NGUYEN THI B; 02 thẻ ngân hàng MB Bank mang tên NGUYEN ANH D; 01 thẻ ngân hàng MB Bank và số tiền 6.150.000 (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng bị cáo bị thu giữ, đựng trong 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi “26.150.000 đồng thu giữ quả tang của Nguyễn Văn B ngày 21/7/2024”). Số tiền trên cần tạm giữ để thi hành án.

4.5. Trả cho chị Triệu Thị N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (số tiền này nằm trong số tiền 26.150.000 đồng bị cáo bị thu giữ, đựng trong 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi “26.150.000 đồng thu giữ quả tang của Nguyễn Văn B ngày 21/7/2024”).

(Vật chứng tại mục 4.1; 4.2; 4.4; 4.5 nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T;
- CQ Điều tra CA huyện T;
- CQ THAHS huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người CQL, NVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiễn